

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-PT**
Ngày 15-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng
Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ
Ông Nguyễn Công Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”,

Do bản án sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Tấn X, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 365/32, đường NC, khu phố 4, phường XT, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thụy Xuân Y, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: Số 365/32, đường NC, khu phố 4, phường XT, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: Khu 2, ấp CT, xã BH, huyện XL, Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Tấn V, sinh năm 1967.

2. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số 365/32, đường NC, khu phố 4, phường XT, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của ông V: Bà Nguyễn Thị Kim P (theo giấy ủy quyền ngày 14/03/2018)

3. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 01, đường NC, khu phố 4, phường XT, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng :*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp CT, xã BH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị Lê Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 365/32, đường NC, khu phố 4, phường XT, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Anh Lê Tấn X – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn – anh Lê Tấn X, trình bày:

Anh X và chị Y tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường XT, thị xã L. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc vì tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn. Chị Y đã tự ý đưa con chung về nhà cha mẹ đẻ, sống ly thân anh X. Anh X khởi kiện xin được ly hôn chị Y.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Xuân Th, sinh ngày 01/01/2009 và Lê Xuân H, sinh ngày 21/4/2013. Ly hôn, anh X yêu cầu được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chiếc xe tải biển số 60C-141.61 do anh X đứng tên mà chị Y tranh chấp là tài sản của bà P, ông V - cha mẹ anh X. Anh X đồng ý trả lại cho bà P, ông V.

Bị đơn – chị Nguyễn Thụy Xuân Y, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con cái, anh X trình bày là đúng. Tháng 10/2017, mâu thuẫn vợ chồng đến đỉnh điểm, chị Y đưa hai con về nhà cha mẹ tại xã BH, huyện XL sinh sống. Nay anh X yêu cầu ly hôn, chị Y đồng ý.

Về con chung: Hai con chung là Lê Xuân Th, sinh ngày 01/01/2009 và Lê Xuân H, sinh ngày 21/4/2013. Ly hôn, chị Y có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, yêu cầu anh X cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là chiếc xe tải biển số 60C-141.61, trị giá hiện tại là 200.000.000đ, chị Y yêu cầu chia đôi chiếc xe. Ngoài ra, vợ chồng có cho dì anh X là bà Nguyễn Thị Kim M mượn 5 chỉ vàng 9999. Chị Y yêu cầu Tòa án buộc bà X trả khoản nợ này và chia đôi hai vợ chồng mỗi người 2,5 chỉ.

Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Kim P, ông Lê Tấn V, trình bày:

Chiếc xe tải biển số 60C-141.61 mà chị Y tranh chấp có nguồn gốc do vợ chồng bà P, ông V bỏ ra hơn 300.000.000đ để mua, là tài sản của ông bà. Ông bà cho anh X đứng tên đăng ký để thuận tiện trong việc giao cho anh X chạy xe.

Bà P, ông V yêu cầu anh X, chị Y trả lại chiếc xe này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Kim M, trình bày:

Bà M không vay chị Y và anh X 05 chỉ vàng 9999. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của chị Y.

Tại bản án sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã L quyết định:

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Lê Tấn X và bà Nguyễn Thụy Xuân Y.

Giao hai con chung là cháu Lê Xuân Th, sinh ngày 01/01/2009 và Lê Xuân H, sinh ngày 21/04/2013 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, anh X phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị Y số tiền 2.000.000đ.

Anh X được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thụy Xuân Y về việc chia tài sản chung là chiếc xe tải trị giá 200.000.000đ. Chia cho anh X, chị Y mỗi người một nửa. Anh X được sở hữu chiếc xe và phải thanh toán cho chị Y số tiền 100.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông V và bà P về việc đòi quyền sở hữu chiếc xe trên.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thụy Xuân Y về việc đòi bà Nguyễn Thị Kim M trả 5 chỉ vàng 9999 và chia tài sản chung là số vàng này. Buộc bà Nguyễn Thị Kim M trả cho chị Nguyễn Thụy Xuân Y 2 chỉ 5 phân vàng 9999, trả cho anh Lê Tấn X 2 chỉ 5 phân vàng 9999.

Ngoài ra, án còn tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/11/2018, anh Lê Tấn X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung và tài sản:

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giao con chung là cháu Lê Xuân Th cho anh Thành nuôi và không công nhận hai vợ chồng có tài sản chung.

Tại phiên tòa, anh X rút kháng cáo về phần tài sản chung.

Ngày 23/11/2018, bà Nguyễn Thị Kim P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về phần tài sản:

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc anh X, chị Y trả lại chiếc ô tô vận tải nhẹ, biển số 60C.141.61.

Tại phiên tòa, bà P rút kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm giao hai con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của anh X và bà P về tài sản, các đương sự đã rút, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm, không giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim M, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định của pháp luật tố tụng, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

Tại phiên Tòa, anh X rút một phần kháng cáo về vấn đề tài sản, bà P rút toàn bộ kháng cáo về tranh chấp tài sản với anh X, chị Y. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này của các đương sự.

Đối với kháng cáo của anh X về vấn đề nuôi con chung:

Theo quy định của pháp luật và đạo lý trong xã hội, sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền, đồng thời là nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc đối với con chưa thành niên đến khi các cháu trưởng thành. Việc chị Y, anh X mong muốn được nuôi con chung đều là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người và nhằm mục đích chăm sóc tốt nhất, tạo điều kiện cho sự phát triển bình thường của các cháu.

Trong vụ án này, anh X, chị Y có hai con chung, cháu Th đã hơn mười tuổi. Anh X hiện đang sống cùng cha mẹ tại thị xã L, gia đình có cơ sở kinh doanh thịt heo. Anh X lái xe tải chở hàng cho gia đình, thu nhập khá cao và có thể chủ động sắp xếp thời gian. Trong khi đó, chị Y về ở với cha mẹ tại xã BH, huyện XL. Chị Y đi làm thuê cho doanh nghiệp tư nhân, thu nhập thấp hơn và không thể chủ động về thời gian để chăm sóc con cái như anh X.

Như vậy, hiện tại điều kiện nuôi con của anh X đảm bảo hơn. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của anh X, giao cháu Th cho anh X, giao cháu H cho chị Y nuôi dưỡng là công bằng và đảm bảo mỗi cháu đều có thể được chăm sóc tốt nhất.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Y nuôi một con chung là cháu H nên mỗi tháng anh X phải cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau này, nếu thấy cần thiết, mỗi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác theo thủ tục do pháp luật quy định.

Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận, anh X không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bà P rút kháng cáo tại phiên tòa nên vẫn phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Lê Tấn X về tranh chấp tài sản chung và kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P về tranh chấp đòi lại tài sản.

Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Tấn X, sửa bản án sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L về vấn đề nuôi con chung.

Căn cứ các điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 256, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tấn X và chị Nguyễn Thụy Xuân Y.

- Giao cháu Lê Xuân H, sinh ngày 21/04/2013 cho chị Nguyễn Thụy Xuân Y trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Xuân Th, sinh ngày 01/01/2009 cho anh Lê Tấn X trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng, anh Lê Tấn X phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thụy Xuân Y số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Hai bên được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, mỗi bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục do pháp luật quy định.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim P và ông Lê Tấn V.

- Công nhận chiếc xe tải biển số 60C-141.61 là tài sản chung của anh Lê Tấn X và chị Nguyễn Thụy Xuân Y, chia cho mỗi người một nửa giá trị. Giao cho anh Lê Tấn X được sở hữu chiếc xe, anh Lê Tấn X phải thanh toán cho chị Nguyễn Thụy Xuân Y số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh X không thanh toán hết số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim M trả cho anh Lê Tấn X và chị Nguyễn Thụy Xuân Y tài sản chung là 05 (năm) chỉ vàng 9999 đã vay. Trong đó, trả cho anh Lê Tấn X 02 chỉ 05 phân vàng 9999, trả cho chị Nguyễn Thụy Xuân Y 02 chỉ 05 phân vàng 9999.

Về án phí: Anh Lê Tấn X phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, không phải chịu án phí phúc thẩm. Trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 007991 ngày 15/11/2017 và biên lai thu số 002930 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, anh X còn phải nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Lê Tấn V phải chịu 10.000.000đ (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Trừ vào số tiền 5.300.000đ (năm triệu ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 008401 ngày 27/04/2018, biên lai thu số 002813 ngày 7/9/2018 và biên lai thu số 002929 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà P, ông V còn phải nộp phải nộp 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thụy Xuân Y phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền 3.137.000đ (ba triệu một trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 008129 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, chị Y còn phải nộp 1.863.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim M phải chịu 861.000đ (tám trăm sáu mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TX. L;
- Chi cục THADS TX. L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng